TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04/4/2025
V/v:"Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hưng Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thọ
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Thoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 4 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST - HNGĐ ngày 8 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST - HNGĐ ngày 24/3/2025 của Hội đồng xét xử giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Nguyễn Tất Thành Đ, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.
(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tất Thành Đ kết hôn với nhau vào ngày 12/02/2022 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu ngay gia đình nhà anh Đ, ăn ở chung cùng gia đình tại xã H, huyện H chị làm giáo viên T cấp 2 xã H còn anh Đ lao động tự do. Quá trình chung sống, anh Đ thường xuyên chơi các trò chơi ảo trên mạng dẫn đến nợ nần, chị phải đứng ra trả nợ nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Đến tháng 9/2024 chị về nhà mẹ đẻ tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai quan tâm gì đến ai

nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về đoàn tụ với nhau được nữa, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/3/2023 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và thông báo nhiều lần anh Đ đến trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị P khởi kiện xin ly hôn, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ do ông Nguyễn Văn D là bố đẻ anh Đ nhận thay và cam kết sẽ chuyển đến cho anh Đ, nhưng anh Đ đều vắng mặt. Ông D cho biết anh Đ hiện nay đi làm ăn ở thành phố Y, tỉnh Yên Bái, anh Đ vẫn liên lạc về với gia đình, anh Đ có biết việc chi P đang có đơn xin ly hôn tại Tòa án do gia đình anh thông báo và giao các văn bản của tòa án cho anh Đ. Do phải đi làm ăn, nên anh không về Tòa án để giải quyết được. Về con chung ông D cho biết chị P và anh Đ có một con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/3/2023 hiện đang ở với chị P.

Trong quá trình làm việc được UBND xã, công chức tư pháp và Hội phụ nữ xã H, huyện H cho biết chị Nguyễn Thị Thu P là giáo viên Trường THCS xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ, anh Đ là công dân khu 8 xã H. Chị P và anh Đ được UBND xã H, huyện H làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống của anh, chị qua tìm hiểu địa phương thấy anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, chị P đã về nhà mẹ đẻ ở và đã chuyển công tác khỏi Trường THCS H. Địa phương được biết anh Đ đi làm ăn ở Yên Bái, thường xuyên liên lạc về gia đình bằng điện thoại. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa căn cứ vào tình hình thực tế, tình trạng hôn nhân để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung chị P và anh Đ có một con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/3/2023 hiện nay cháu đang ở với chị P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 - BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56 và Điều 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, điểm

b khoản 2 Điều 227**,** khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Thu P và anh được ly hôn anh Nguyễn Tất Thành Đ.

Về con chung: Đề nghị xử giao cho chị Nguyễn Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/3/2023, anh Nguyễn Tất Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu P cư trú tại khu A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là anh Nguyễn Tất Thành Đ cư trú tại khu H, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thông báo, triệu tập chị Nguyễn Thị Thu P và anh Nguyễn Tất Thành Đ đến Tòa án để làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật, chị P đều có mặt, còn anh Đ đều vắng mặt không có lý do mặc dù bố đẻ anh Đ là ông Nguyễn Văn D nhận thay, đã thông báo và giao lại cho anh Đ các văn bản của Tòa án. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ngày 10/3/2025 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 24/3/2025, quyết định này đã được giao, gửi cho các đương sự, đến ngày xét xử chị P có mặt, còn anh Đ vắng mặt không có lý do. HĐXX Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật và ấn định ngày xét xử trong Quyết định hoãn phiên tòa đồng thời tiến hành giao và gửi quyết định hoãn phiên tòa theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238

của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Nguyễn Tất Thành Đ kết hôn kết hôn ngày 12/02/2022 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chị P cho rằng anh Đ thường xuyên chơi các trò chơi ảo trên mạng dẫn đến nợ nần, chị phải đứng ra trả nợ thay nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Đến tháng 9/2024 chị về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện, trong quá trình chung sống vợ chồng chị P, anh Đ xảy ra mâu thuẫn, hiện hai người đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị P và anh Đ có một con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/3/2023, hiện cháu A đang ở với chị P. Ly hôn chị P xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đ đều không có mặt để bày tỏ quan điểm của mình về nuôi dưỡng con chung, do anh Đ vắng mặt, hơn nữa cháu A hiện nay vẫn dưới 36 tháng tuổi, nên cần giao cháu A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. -Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu là phù hợp quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Chị P không đề nghị tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án chưa làm việc được với anh Đ về các mối quan hệ này, nên không đặt ra giải quyết trong vụ án. Sau ly hôn anh Đ có mặt, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu P được ly hôn anh Nguyễn Tất Thành Đ.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 17/3/2023, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi cháu An thành N. Anh Nguyễn Tất Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Chị P và anh Đ đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003133 ngày 7 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. (Xác nhận chị P đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H, huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS - VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Hưng Thủy